

Bản án số: 354/2019/DS-PT
Ngày 19 tháng 8 năm 2019
V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất và
tài sản gắn liền với đất; hủy Giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2018 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm Bản án số 40/2018/DS-ST, ngày 20 - 11 - 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1755/2019/QĐPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Quốc P, sinh năm 1988, có mặt;

Cư trú tại: Lê Hồng Phong, ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ liên hệ: Quán Dương Thảo I, đường Ngô Quyền, khóm 5, phường 1, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Anh T – Văn phòng Luật sư Lê Anh T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau, có mặt;

Địa chỉ: Nguyễn Du, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu V, sinh năm 1958, có mặt;

Cư trú tại: Nguyễn Trãi, khóm 1, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

1. Ông Thái Huyền T1, có mặt;

Địa chỉ: Quang Trung, khóm 4, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Luật sư Nguyễn Văn T2, Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau, có mặt;

Địa chỉ: đường Phạm Hồng Thám, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn K , sinh năm 1906 (đã chết).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K gồm có:

Bà Trần Thị Khéo, sinh năm 1936, vắng mặt;

Bà Trần Thị H, sinh năm 1949, vắng mặt;

Ông Trần Thanh H1, sinh năm 1952, có mặt;

Cùng cư trú tại: Ấp Bến Gỗ, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H1: Ông Thái Huyền T1, có mặt;

Địa chỉ: Quang Trung, khóm 4, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Nguyễn Hữu T3, sinh năm 1926 (chết năm 1994).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T3 gồm:

Ông Nguyễn Hữu L , sinh năm 1948, có mặt;

Cư trú tại: Ấp Kinh Hội, xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ông Nguyễn Hữu P1 , sinh năm 1946

Ông Nguyễn Hữu B , sinh năm 1955, vắng mặt;

Bà Nguyễn Hồng T4, sinh năm 1956, có mặt;

Cùng cư trú tại: Ấp 8, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ông Nguyễn Hữu V , sinh năm 1958, có mặt;

Cư trú tại: Nguyễn Trãi, khóm 1, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Bà Nguyễn Hồng X , sinh năm 1966, vắng mặt;

Cư trú tại: ấp Rạch Bào, xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ông Nguyễn Hữu T5, sinh năm 1971, vắng mặt;

Cư trú tại: Trương Phùng Xuân, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

3. Ông Trần Văn N , sinh năm 1933 (chết năm 1999).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N gồm có:

Bà Trần Thị K2, sinh năm 1952, vắng mặt;

Ông Trần Văn N1, sinh năm 1956, có mặt;

Cùng cư trú tại: Ấp Bên Gõ, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N1: Ông Thái Huyền T1, có mặt;

Địa chỉ: Quang Trung, khóm 4, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Bà Trần Thị P2, sinh năm 1960, vắng mặt;

Cư trú tại: Ấp Xóm Sờ, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ông Trần Văn T6, sinh năm 1969, vắng mặt;

Cư trú tại: đường Bà Triệu, phường 7, thành phố Bạc Liêu, Bạc Liêu.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, vắng mặt;

Địa chỉ: đường Ngô Quyền, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật cho ông H1, ông L , ông P1 , ông B , ông N1 và các bà K1, bà X , bà T4, bà K2, bà P2: Ông Nguyễn Hữu V .

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Hữu V .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - ông Trần Quốc P trình bày:

Vào năm 1973 mẹ của ông Trần Quốc P là bà Trần Thị B quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 174,40m² gắn liền với căn nhà ngang 4,8m dài khoảng 18m. Phần đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp Giấy CNQSDĐ vào ngày 27/5/2016 đứng tên Trần Quốc P (tài sản khác gắn liền với đất chưa đăng ký). Năm 2009 bà B chết, đến năm 2011 do ông P thiếu nợ, nên lánh mặt và có nhờ ông Nguyễn Hữu V quản lý nhà và lo việc thấp nhang cho bà B . Theo Giấy khai sinh thì ông là con của bà Trần Thị B và ông Trần Quốc L1, ông có nghe nói bà B không có con ruột, nên bà B nhận ông làm con nuôi từ năm 1988. Cha ruột của ông P là ông Trần Thanh H2, mẹ ruột là bà Ngô Ngọc P3 hiện đang ở huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Ông P xác định ông là con nuôi bà B nên ông có quyền thừa kế căn nhà của bà B. Nay ông P yêu cầu ông V trả lại căn nhà và đất cho ông quản lý, sử dụng, ông không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông V . Ông P xác định căn nhà và đất ông P kiện đòi không liên quan đến quyền lợi của vợ ông P .

Trước đây việc xác định chi phí sửa nhà của bị đơn là 120.000.000 đồng, nay nguyên đơn chỉ chấp nhận giá trị còn lại 80.000.000đ; trường hợp nếu chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, thì nguyên đơn chấp nhận hoàn lại cho bị đơn số tiền 80.000.000 đồng nay.

Bị đơn - ông Nguyễn Hữu V trình bày:

Năm 1973 ông ngoại ông là ông Trần Văn K , cha của ông là ông Trần Hữu T3, cậu của ông là ông Trần Văn N góp tiền mua nhà và đất của bà Phạm Thị A với giá 600 tạ lúa (nhưng giao bằng tiền), (giấy tờ mua đất hiện nay thất lạc không còn). Năm 1975 dì của ông là bà Trần Thị B làm giáo viên được điều động về Cà Mau dạy học nên xin phép ông ngoại, cha, cậu ông ở tạm tại căn nhà mua của bà A để đi dạy học. Bà B không có chồng và cũng không có con. Năm 1994 ông P là con của bà Ngô Ngọc P3 và ông Trần Thanh H2 ra ở nhờ để đi học và nhờ bà B dạy kèm. Đến năm 2008 thấy dì ông bệnh không qua khỏi nên ông Trần Thanh H1 (em của bà B) về ở căn nhà nêu trên để nuôi bà B đến khi bà B chết. Năm 2010 ông được thân tộc họp xét cho về ở tại căn nhà nói trên, biên bản họp thân tộc đến năm 2016 mới ra xã xác nhận. Ông đã quản lý, sử dụng căn nhà nói trên từ đầu năm 2011 đến nay. Khi ông K chuyển đến ở thì ông P không có ở trong căn nhà này.

Việc ông P được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp Giấy CNQSDĐ, ông không hề hay biết gì. Ông không đồng ý yêu cầu của ông P , đề nghị Tòa án xét xử bác yêu cầu đòi nhà và đất của Trần Quốc P .

Ngày 17/11/2016 ông V có yêu cầu phản tố: Do nhà và đất nói trên là tài sản của dòng họ ông V . Hiện nay, thân tộc thống nhất giao cho ông V quản lý sử dụng nhà và đất nói trên , nên đề nghị hủy Giấy CNQSDĐ kí hiệu u số CD 978337 do UBND thành phố Cà Mau cấp ngày 27/5/2016 cho ông Trần Quốc P .

Thống nhất giá trị sửa chữa đến nay còn 80.000.000 đồng. Nếu buộc phải giao trả nhà đất thì phải tính đến số tiền cải tạo sửa chữa nhà 80.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Trần Thanh H1 trình bày:
Ông thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Hữu V . Năm 1973, cha ông là Trần Văn K , anh của ông là Nguyễn Hữu T3 cùng với anh của ông là Trần Văn N góp tiền mua căn nhà tại đường Nguyễn Trãi, khóm 1, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau của bà Phạm Thị A để cho các con cháu ở đi học. Trong đó, ông K góp 300 tạ lúa, ông T3 góp 150 tạ lúa, ông N góp 150 tạ lúa. Ông H1 ở trong căn nhà và nuôi bà Trần Thị B khoảng 05 tháng (từ cuối năm 2008 – đầu năm 2009), sau khi bà B chết thì vào năm 2010 gia đình họp thân tộc và giao cho ông V về ở. Nay ông thống nhất theo yêu cầu của ông V về việc đề nghị Tòa án giải quyết hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà của ông P . Hiện nay ông xác định thân tộc thống nhất giao nhà và đất cho ông V quản lý sử dụng, ông V yêu cầu phản tố ông thống nhất nhưng bản thân ông không yêu cầu phân chia tài sản nhà và đất này, giao toàn bộ cho ông V nên ông khẳng định mình không khởi kiện hay có yêu cầu bất cứ vấn đề gì, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì ông sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Hữu L , ông Nguyễn Hữu Ph1, ông Nguyễn Hữu B , bà Nguyễn Hồng T4, bà Nguyễn Hồng X , ông Nguyễn Hữu T4, ông Trần Văn N1 trình bày:

Các đương sự thống nhất với phần trình bày của ông V và ông H1. Vào năm 1973, ông Trần Văn K , ông Nguyễn Hữu T3 và ông Trần Văn N có góp tiền mua căn nhà tại đường Nguyễn Trãi, khóm 1, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Mua của bà Phạm Thị A với giá 600 gạ lúa để cho con cháu ở. Trong đó, ông K góp 300 gạ lúa, ông T3 góp 150 gạ lúa, ông N góp 150 gạ lúa. Đầu năm 2011 thì được sự đồng ý của thân tộc, ông V về căn nhà này ở quản lý căn nhà và thờ bà Trần Thị B .

Các đương sự thống nhất giao nhà và đất cho ông V quản lý sử dụng , và thống nhất với yêu cầu phản tố của ông V , nhưng các đương sự không yêu cầu phân chia tài sản nhà và đất này, giao toàn bộ tài sản cho ông V nên các đương sự khẳng định mình không khởi kiện hay có yêu cầu bất cứ vấn đề gì, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau trình bày:

Tại Công văn số : 407/UBND-NC ngày 26/02/2018, Ủy ban xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Quốc P là đúng trình tự thủ tục. Trước thời điểm cấp Giấy CNQSDĐ cho ông P , thì bà B chưa được cấp Giấy CNQSDĐ mà chỉ đăng ký kê khai trên bản đồ, mục kê.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 20 - 11 – 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 91, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 188, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 649 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc P kiện ông Nguyễn Hữu V đòi lại đất và tài sản gắn liền với đất (nhà).*

2. *Buộc ông Nguyễn Hữu V giao trả phần đất gắn liền với tài sản trên đất (nhà), diện tích đất 174,4m² tọa lạc tại hẻm 26, số nhà tại đường Nguyễn Trãi, khóm 1 Phường 9 thành phố Cà Mau; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố Cà Mau cấp cho ông Trần Quốc P , ký hiệu CD 978337 ngày 27/5/2016, số thửa 64, số tờ bản đồ 89 (có bản vẽ đo đạc ngày 19/10/2017 kèm theo).*

3. *Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Quốc P hoàn trả số tiền sửa chữa nhà của ông Nguyễn Hữu V . Buộc ông Trần Quốc P trả cho ông Nguyễn Hữu V số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).*

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu V về hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố Cà Mau cấp cho ông Trần Quốc P, ký hiệu CD 978337 ngày 27/5/2016, số thửa 64, số tờ bản đồ 89.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/12/2018, bị đơn Nguyễn Phục V kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư Lê Anh T và ông P trình bày: Bà A xác nhận việc chuyển nhượng nhà đất nhưng không khẳng định nhà đất đã được cấp cho bà A chưa, chính quyền nào cấp. Từ năm 1995 đến năm 2009 bà B và ông P ở trên căn nhà này. Năm 2009 bà B từ trần đến năm 2016 ông P đi làm giấy tờ đất. Quy trình và nội dung cấp giấy cho ông P là đúng. Ngày 18/01/2016 hòa giải bị đơn thừa nhận bà B làm lại căn nhà như hiện nay. Giấy khai sinh thể hiện ông P là con nuôi. Ông P sinh tại Cà Mau. Ông P là hàng thừa kế thứ nhất cho nên được hưởng di sản bà B để lại. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông V .

Ông Thái Huyền T1 trình bày: Căn nhà tại đường Nguyễn Trãi là của bà A bán cho ông H2 năm 1973 với giá 600 tạ lúa và được xác nhận năm 2006. Năm 2009 bà B chết để lại căn nhà cho ông H1 sau đó để lại cho ông V ở cho đến nay. Bà B chỉ ở đây để dạy học nên không để lại di sản này theo thừa kế. Ông P là con đẻ của bà V1 ông H2 và sinh năm 1987. Sau đó được gửi lại cho bà B nuôi. Lúc đó P được khoảng 6, 7 tuổi. Vậy tại sao lại có giấy khai sinh do bà B đứng ra xác lập ông P là con ruột bà B ? Từ giấy khai sinh này ông P đi làm thủ tục giấy tờ đất với tư cách là con ruột của bà B . Tòa cấp sơ thẩm thấy bất cập này nhưng lại xác định từ con ruột thành con nuôi để cho ông P nhận di sản thừa kế. Cần xác định giấy tờ khai sinh có sự cấu kết của cán bộ tư pháp hay không vì giấy khai sinh của P là không hợp pháp. Trong quá trình xử sơ thẩm ông P đã chuyển nhượng căn nhà trên cho bà T7. Ông P bà T7 đã cho người dỡ nhà do vậy ông P có hành vi hủy hoại tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu đòi nhà của ông P . Hủy giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho P . Hủy hợp đồng chuyển nhượng cho bà T7. Hủy giấy khai sinh của ông P . Nếu hủy hồ sơ thì chuyển sang cơ quan điều tra làm rõ giấy khai sinh giả của ông P . Đề nghị miễn án phí cho ông V .

Luật sư Nguyễn Văn T2 và ông V trình bày: Nguồn gốc căn nhà chỉ có duy nhất bà A xác nhận. Nguồn gốc nhà đất này chưa được làm rõ. Bà A hiện nay còn sống và minh mẫn. Căn cứ vào đăng ký của bà B thì xem xét bà B ở đây dạy học. Ông P nghe nói lại sinh ra được 2 tuổi bà B nhận nuôi. Hộ khẩu và giấy khai sinh làm năm 1994. Lúc đó ông P buộc phải có giấy khai sinh và hộ khẩu mới được đi học. Nên cần xem xét việc có giấy khai sinh và hộ khẩu có phải chính

quyền lúc đó làm là để tạo điều kiện cho con em đi học. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của ông P , hủy giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho ông P .

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của các đương sự, của Luật sư, của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã được đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm có một số đương sự vắng mặt, nhưng các đương sự này đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hoặc đã có văn bản ủy quyền cho người khác có mặt tham gia phiên tòa, hoặc đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về đối tượng tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà trên đất chưa đăng ký quyền sở hữu), diện tích đất 174,4m² tọa lạc tại hẻm 26, đường Nguyễn Trãi, khóm 1 phường 9 thành phố Cà Mau; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trần Quốc P , ký hiệu CD 978337 ngày 27/5/2016, số thửa 64, số tờ bản đồ 89 (có bản vẽ đo đạc ngày 19/10/2017 kèm theo). Các bên không có yêu cầu định giá căn nhà và đất , các bên tự định giá là 600.000.000 đồng. Các bên cũng thống nhất giá trị sửa chữa căn nhà hiện nay (do bị đơn sửa chữa) là 80.000.000 đồng và cũng không yêu cầu định giá . Xét việc không yêu cầu định giá và tự đưa ra mức giá tài sản tranh chấp là quyền của đương sự, không có căn cứ xác định các đương sự trốn tránh trách nhiệm khác. Do đó việc thoả thuận này là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về nguồn gốc phân đất và tài sản gắn liền với đất tranh chấp: Theo nguyên đơn cho rằng, vào năm 1973 mẹ ông P là bà Trần Thị B quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 174,40m² gắn liền với căn nhà ngang 4,8m dài khoảng 18m.

Năm 2009 bà B chết, đến năm 2011 do ông P thiếu nợ nhiều người, nên phải lánh mặt và có nhờ ông Nguyễn Hữu V quản lý nhà và lo việc thấp nhang cho bà B . Năm 2016 nguyên đơn được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này (do ông P là con nuôi hàng thừa kế thứ nhất nhận di sản thừa kế của mẹ), nhưng sau đó ông V ở rồi chiếm luôn đất và nhà, nên ông P kiện đòi. Đối với bị đơn cho rằng năm 1973, ông ngoại ông là ông Trần Văn K , cha của ông là ông Trần Hữu T3, cậu của ông là ông Trần Văn N góp tiền mua nhà và đất của bà Phạm Thị A với giá 600 gia lúa nhưng giao bằng tiền (giấy tờ mua đất hiện nay thất lạc không còn). Năm 1975 di của ông V là bà Trần Thị B làm giáo viên được điều động về Cà Mau dạy học và sinh sống tại căn nhà này đến khi qua đời. Tuy nhiên, việc bị đơn cho rằng do phần đất này có 03 phần hùn và do hoàn cảnh khó khăn nên không ai đăng ký và làm Giấy CNQSDĐ này nhưng ông V không đưa ra được chứng cứ có căn cứ chứng minh. Trong khi đó các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện vào các năm 1995, 1998, 2009 thì bà B đều có tên trong sổ mục kê địa chính ; đồng thời vào năm 1999 bà B có cất nhà ở cho đến khi bà B qua đời cũng không có ai tranh chấp gì trên phần đất này.

[2.3] Đối với sổ hộ khẩu ghi nhận ông P là con của bà B (bút lục số 111, 112, 113) các bên đều thừa nhận sổ hộ khẩu sao y này có thật trong thực tế , nên đây không thuộc tình tiết phải chứng minh trong vụ án. Vấn đề đặt ra là tính hợp pháp Giấy khai sinh đứng tên ông P có nhiều điểm bất hợp lý, như năm sinh bà B bị sửa, ông L1 không phải là chồng của bà B , bà B không có ký tên vào Giấy khai sinh ông P , vì vậy bị đơn cho rằng Giấy khai sinh này là có dấu u hiệu giả mạo từ đó nguyên đơn dùng Giấy khai sinh này nhận là con nuôi của bà B để nhận di sản của bà B . Thực hiện yêu cầu giám định của bị đơn , Tòa án cấp sơ thẩm đã ra quyết định Trung cầu giám định để làm rõ Giấy khai sinh của ông P (xem con dấu có được đóng trước khi ký, và con dấu có được đóng trước khi đánh máy chữ “Chủ tịch”), nhưng Cơ quan giám định trả lời không đủ phương tiện kỹ thuật để thực hiện công việc giám định, nên không đủ căn cứ xác định giấy khai sinh của ông P là giả mạo. Mặc dù thủ tục đăng ký nuôi con nuôi của bà B chưa được thực hiện tại UBND phường 9, thành phố Cà Mau và tại UBND phường 9 cũng xác định không còn lưu sổ đăng ký Giấy khai sinh của ông P , song quá trình cư trú tại địa phương sổ Hộ khẩu của gia đình bà B , do bà B kê khai và giấy khai sinh nêu trên đều ghi nhận ông P là con, điều này được chính quyền địa phương , cơ quan thẩm quyền xác nhận . Do đó, ông P được xác định là con nuôi của bà B và là người duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ nhất, nên ông P được hưởng di sản của bà B để lại là đúng với quy định tại Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 649 của Bộ luật Dân sự 2015.

Ông Nguyễn Hữu V đưa ra chứng cứ là giấy xác nhận của bà Phạm Thị A nội dung nguồn gốc đất là của ông ngoại, cha và của cậu của ông V mua lại của bà A Tuy nhiên, việc xác nhận sau khi tranh chấp nên không đủ căn cứ để xác định việc giao dịch chuyển nhượng giữa bà A với những người này nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P : Như đã nhận định nêu trên, đồng thời tại Công văn số 407/UBND-NC ngày 26/02/2018, Ủy ban xác định việc cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Trần Quốc P là đúng trình tự, thủ tục nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông P .

[2.5] Khi xét xử phúc thẩm ông V đã trên 60 tuổi, trong đơn kháng cáo ông V có xin được miễn án phí. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm cho ông V .

[2.6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P , buộc ông V giao trả nhà và đất nêu trên cho ông P , đồng thời buộc ông P hoàn lại cho ông V số tiền ông V sửa chữa nhà 80.000.000 đồng như sự tự nguyện của ông P là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo về án phí của ông Nguyễn Hữu V , các phần khác của bản án sơ thẩm giữ nguyên .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 188, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 649 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu V , giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc P . Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Hữu V về án phí, sửa một phần bản án sơ thẩm.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc P kiện ông Nguyễn Hữu V đòi lại đất và tài sản gắn liền với đất (nhà).

1.2. Buộc ông Nguyễn Hữu V giao trả phần đất gắn liền với tài sản trên đất (nhà), diện tích đất 174,4m² tọa lạc tại hẻm 26, đường Nguyễn Trãi, xóm 1 Phường 9 thành phố Cà Mau; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND

thành phố Cà Mau cấp cho ông Trần Quốc P , ký hiệu CD 978337 ngày 27/5/2016, số thửa 64, số tờ bản đồ 89 (có bản vẽ đo đạc ngày 19/10/2017 kèm theo).

1.3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Quốc P hoàn trả số tiền sửa chữa nhà của ông Nguyễn Hữu V. Buộc ông Trần Quốc P trả cho ông Nguyễn Hữu V số tiền 80.000.000 đồng.

1.4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu V về hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố Cà Mau cấp cho ông Trần Quốc P , ký hiệu CD 978337 ngày 27/5/2016, số thửa 64, số tờ bản đồ 89.

2. Về chi phí tố tụng:

2.1. Chi phí đo vẽ: Buộc ông Nguyễn Hữu V hoàn trả cho ông Trần Quốc P số tiền 4.950.000 đồng.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Quốc P phải chịu 4.000.000 đồng, khấu trừ số tiền đã nộp 3.411.000 đồng theo biên lai số 0003521 ngày 10/10/2016 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, còn phải nộp tiếp 589.000 đồng.

Ông Nguyễn Hữu V được miễn án phí. Trả lại cho ông V số tiền 200.000 đồng ông V đã nộp theo biên lai số 0003756 ngày 30/11/2016 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

2.3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu V được miễn. Trả lại cho ông V 300.000đ theo Biên lai thu số 00186, ngày 03/128/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

3. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu, bên thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định của pháp luật tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau (1);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (1);
- Các cơ quan sự, đại diện đương sự; ();
- Lưu hồ sơ (1), VP (3), TTT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huỳnh

